CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN NGÀY 30/06/2021

Tháng 08 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 31

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Trần Mạnh Luân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên

Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Hùng	Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Hùng	Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Nguyễn Thế Hùng
Ngày 03 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Chi nhánh Hải Phòng: Số MHT05-04 KĐT Vinhomes Imperia Hải Phòng
Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng, Việt Nam
Tel : (84-225) 3534 655
www.vaco.com.vn

Số. 120/VACO/BCSX.HP

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy, được lập ngày 03 tháng 08 năm 2021, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG

Nguyễn Hồng Hiên
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1117-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 03 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**238.801.339.808**	**243.456.067.935**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**22.713.582.769**	**33.391.595.439**
1. Tiền	111		22.713.582.769	33.391.595.439
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**36.000.000.000**	**91.690.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		36.000.000.000	91.690.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**11.628.155.566**	**16.451.331.459**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.555.218.182	13.999.218.182
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	60.937.384	2.452.113.277
IV. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**157.853.419.897**	**97.756.974.200**
1. Hàng tồn kho	141		170.933.473.445	110.597.545.856
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.080.053.548)	(12.840.571.656)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**10.606.181.576**	**4.166.166.837**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.422.256	20.520.794
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.544.759.320	4.145.646.043
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**3.358.091.963.480**	**3.359.113.897.942**
I. Tài sản cố định	**220**		**8.586.571.960**	**9.600.227.619**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	8.586.571.960	9.600.227.619
- Nguyên giá	*222*		*14.627.616.249*	*15.266.879.337*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(6.041.044.289)*	*(5.666.651.718)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**2.128.409.091**	**2.128.409.091**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.128.409.091	2.128.409.091
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**3.347.372.297.286**	**3.347.372.297.286**
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.029.032.297.286	1.029.032.297.286
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.318.340.000.000	2.318.340.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.685.143**	**12.963.946**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.685.143	12.963.946
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.596.893.303.288**	**3.602.569.965.877**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**310.936.856.143**	**328.389.206.407**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**310.936.856.143**	**328.389.206.407**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	36.163.026.369	17.719.634.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.764.479.988	5.035.389.079
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.762.352.699	2.581.146.260
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		236.545.455	1.251.545.455
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	47.077.148.350	51.769.102.322
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	213.475.000.000	243.475.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	99.085.789
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.458.303.282	6.458.303.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**3.285.956.447.145**	**3.274.180.759.470**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**14**	**3.285.956.447.145**	**3.274.180.759.470**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411*		*2.747.440.630.000*	*2.747.440.630.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139.338.931.645	139.338.931.645
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.572.915.034	19.572.915.034
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		379.603.970.466	367.828.282.791
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421*		*367.828.282.791*	*154.004.085.464*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421*		*11.775.687.675*	*213.824.197.327*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.596.893.303.288**	**3.602.569.965.877**

Phạm Hồng Dung	Hồ Thị Xuân Hòa	Nguyễn Thế Hùng
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 03 tháng 08 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	17	**195.700.719.102**	**92.761.255.743**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**195.700.719.102**	**92.761.255.743**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	172.872.372.931	43.723.282.052
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	**20**		**22.828.346.171**	**49.037.973.691**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.452.255.482	160.779.613.150
7. Chi phí tài chính	22		7.470.625.830	10.547.874
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*7.469.529.726*	-
8. Chi phí bán hàng	25		2.179.122.448	835.893.728
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.299.139.483	1.557.509.724
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**14.331.713.892**	**207.413.635.515**
11. Thu nhập khác	31		975.553.606	1.356.292.759
12. Chi phí khác	32		-	1.366.047
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**	**21**	**975.553.606**	**1.354.926.712**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**15.307.267.498**	**208.768.562.227**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	3.531.579.823	5.485.365.726
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**11.775.687.675**	**203.283.196.501**

Phạm Hồng Dung	Hồ Thị Xuân Hòa	Nguyễn Thế Hùng
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
Ngày 03 tháng 08 năm 2021		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
M.S.D.N: 0200816878 - C.T.C.P
Q.LÊ CHÂN - TP.HẢI PHÒNG

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***15.307.267.498***	***208.768.562.227***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.013.655.659	711.282.509
Các khoản dự phòng	03	140.396.103	686.208.860
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(16.754.946)	10.542.423
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.896.343.679)	(160.800.256.720)
Chi phí lãi vay	06	7.469.529.726	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***21.017.750.361***	***49.376.339.299***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(4.084.113.277)	(184.998.671.692)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(60.335.927.589)	38.933.229.483
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.109.034.109	(7.983.917.017)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(32.622.659)	(10.652.630)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.137.683.698)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.307.873.384)	(8.080.078.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(41.771.436.137)***	***(112.763.750.933)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(7.460.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	136.363.636	1.318.181.818
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.000.000.000)	(252.517.271.426)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.690.000.000	807.577.048.455
5.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	(858.150.000.000)
6.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.268.155.936	390.284.044.568
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***61.094.519.572***	***81.052.003.415***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	134.749.964.200
2.Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(30.000.000.000)***	***134.749.964.200***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**(10.676.916.565)**	**103.038.216.682**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**33.391.595.439**	**16.483.670.555**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.096.105)	(2.046.596)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**22.713.582.769**	**119.519.840.641**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị: VND

Phạm Hồng Dung	**Hồ Thị Xuân Hòa**	**Nguyễn Thế Hùng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
Ngày 03 tháng 08 năm 2021		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200815578 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 09/07/2019.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, sản xuất đồ gỗ xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Bán ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất mô tô, xe máy.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Công ty con:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng A, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	90,17	90,17	XD nhà ở xã hội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Công ty liên kết:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Tập đoàn bất động sản CRV	Tầng 12, Toà tháp Gold Tower, số 275, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	35,17	35,17	Kinh doanh bất động sản

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2021 phản ánh tình hình hoạt động của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b,c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trêm Báo cáo kết quả kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu Công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019-TT-TC ngày 8/8/2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp" và các quy định kế toán hiện hành .

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác đinh tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng là 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng là 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng và tỷ lệ 40% đối với hàng hóa chậm luân chuyển từ 02 năm trở lên, 40% đối với ô tô, đầu kéo chậm luân chuyển trên 02 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc thiết bị	08
Thiết bị quản lý	05
Phương tiện vận tải	08

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	545.371.108	997.067.216
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.168.211.661	32.394.528.223
Cộng	**22.713.582.769**	**33.391.595.439**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	***36.000.000.000***	***36.000.000.000***	***91.690.000.000***	***91.690.000.000***
Tiền gửi có kỳ hạn	36.000.000.000	36.000.000.000	91.690.000.000	91.690.000.000
Cộng	**36.000.000.000**	**36.000.000.000**	**91.690.000.000**	**91.690.000.000**

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần và hưởng lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,3%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con (1)	1.029.032.297.286	(*)	-	1.029.032.297.286	(*)	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	2.318.340.000.000	(*)	-	2.318.340.000.000	(*)	-
Cộng	**3.347.372.297.286**	-	-	**3.347.372.297.286**	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý nên trình bày theo giá trị sổ sách. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

(1) Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99,78	99,78
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng A, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	XD nhà ở xã hội	90,17	90,17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(2) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty CP Tập đoàn bất động sản CRV	231.834.000	2.318.340.000.000	231.834.000	2.318.340.000.000
Cộng	**231.834.000**	**2.318.340.000.000**	**231.834.000**	**2.318.340.000.000**

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30/06/2021 như sau :

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Tập đoàn bất động sản CRV	Tầng 12, Tòa tháp Gold Tower, số 275, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	35,17	35,17	Kinh doanh bất động sản

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, Công ty liên kết trong kỳ:

- Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang: Doanh thu 83.624 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 1.312 triệu đồng, Vốn chủ sở hữu tại 30/6/2021: 562.283 triệu đồng (Vốn góp của Chủ sở hữu là 480.000 triệu đồng).

- Công ty TNHH Pruksa Việt Nam: Doanh thu 8.559 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 16.580 triệu đồng , Vốn chủ sở hữu tại 30/6/2021: 733.463 triệu đồng (Vốn góp của Chủ sở hữu là 566.440 triệu đồng).

- Công ty CP Tập đoàn bất động sản CRV: Doanh thu 271.952 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 139.862 triệu đồng, Vốn chủ sở hữu tại 30/6/2021: 7.172.405 triệu đồng (Vốn góp của Chủ sở hữu là 6.592.320 triệu đồng).

- Các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động bình thường

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***11.555.218.182***	***13.999.218.182***
Các đại lý	11.428.018.182	13.872.018.182
Khách hàng lẻ	127.200.000	127.200.000
Cộng	**11.555.218.182**	**13.999.218.182**

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	***60.937.384***	***2.452.113.277***
Lãi tiền gửi phải thu	52.249.315	2.443.425.208
Phải thu khác	8.688.069	8.688.069
	60.937.384	**2.452.113.277**

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	69.312.167.621	13.080.053.548	40.088.989.929	12.840.571.656
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Thành phẩm	1.391.476.060	-	712.755.907	-
Hàng hóa	29.159.321.370	-	25.345.837.826	-
Hàng gửi bán	71.070.508.394	-	44.449.962.194	-
Cộng	**170.933.473.445**	**13.080.053.548**	**110.597.545.856**	**12.840.571.656**

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày đầu năm	**1.309.784.122**	**13.490.878.417**	**466.216.798**	**15.266.879.337**
Giảm trong kỳ	-	(639.263.088)		(639.263.088)
Tại ngày cuối kỳ	**1.309.784.122**	**12.851.615.329**	**466.216.798**	**14.627.616.249**
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày đầu năm	**928.143.378**	**4.305.752.832**	**432.755.508**	**5.666.651.718**
Khấu hao trong kỳ	208.581.768	792.773.891	12.300.000	1.013.655.659
Giảm trong kỳ		(639.263.088)		(639.263.088)
Tại ngày cuối kỳ	**1.136.725.146**	**4.459.263.635**	**445.055.508**	**6.041.044.289**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**381.640.744**	**9.185.125.585**	**33.461.290**	**9.600.227.619**
Tại ngày cuối kỳ	**173.058.976**	**8.392.351.694**	**21.161.290**	**8.586.571.960**

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	***36.163.026.369***	***36.163.026.369***	***17.719.634.220***	***17.719.634.220***
DongFeng Commercial Vehicle Co.,LTD	33.368.521.199	33.368.521.199	15.628.712.000	15.628.712.000
Công ty Cổ phần ô tô chuyên dùng Tuấn Phương	321.000.000	321.000.000	771.000.000	771.000.000
Sinya Pingyun Inductrial and trade Co Ltd	1.128.505.170	1.128.505.170	1.131.922.220	1.131.922.220
Các đối tượng khác	1.345.000.000	1.345.000.000	188.000.000	188.000.000
Cộng	**36.163.026.369**	**36.163.026.369**	**17.719.634.220**	**17.719.634.220**

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Phải nộp				
Thuế TNDN	2.517.046.260	3.531.579.823	3.307.873.384	2.740.752.699
Thuế TNCN	64.100.000	130.700.000	173.200.000	21.600.000
Cộng	**2.581.146.260**	**3.662.279.823**	**3.481.073.384**	**2.762.352.699**

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	***47.077.148.350***	***51.769.102.322***
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	-	4.668.153.972
Các khoản phải trả khác	3.128.350	26.928.350
Cộng	**47.077.148.350**	**51.769.102.322**

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	***243.475.000.000***	***243.475.000.000***	-	***30.000.000.000***	***213.475.000.000***	***213.475.000.000***
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	243.475.000.000	243.475.000.000		30.000.000.000	213.475.000.000	213.475.000.000
Cộng	**243.475.000.000**	**243.475.000.000**	-	**30.000.000.000**	**213.475.000.000**	**213.475.000.000**

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay Công ty TNHH Pruksa Việt Nam (Công ty con) theo hợp đồng vay số 09.07/2020/PRU-HHS và 10.08/2020/PRU-HHS với lãi suất 6,8%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thực hiện cơ chế luân chuyển nguồn vốn đầu tư, kinh doanh của Công ty theo chủ trương của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/NQ-HĐQT ngày 09/07/2020.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	**2.747.440.630.000**	**139.270.925.591**	**(134.681.958.146)**	**19.572.915.034**	**263.901.710.664**	**3.035.504.223.143**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	213.824.197.327	213.824.197.327
Tăng, giảm trong năm	-	68.006.054	134.681.958.146	-	-	134.749.964.200
Chia cổ tức	-	-	-	-	(109.897.625.200)	(109.897.625.200)
Số đầu năm nay	**2.747.440.630.000**	**139.338.931.645**	**-**	**19.572.915.034**	**367.828.282.791**	**3.274.180.759.470**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.775.687.675	11.775.687.675
Số cuối kỳ này	**2.747.440.630.000**	**139.338.931.645**	**-**	**19.572.915.034**	**379.603.970.466**	**3.285.956.447.145**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 vốn điều lệ của công ty là 2.747.440.630.000 VND.
Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/06/2021 như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (*)	1.402.893.340.000	51,06	1.004.893.340.000	36,58
Ông Đỗ Hữu Hạ	-	-	148.000.000.000	5,39
Cổ đông khác	1.344.547.290.000	48,94	1.594.547.290.000	58,03
Cộng	**2.747.440.630.000**	**100**	**2.747.440.630.000**	**100**

(*) Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã mua lại 148.000.000.000 cổ phiếu của Công ty từ Ông Đỗ Hữu Hạ. Tại ngày 30/06/2021, Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đang sở hữu 140.289.334 cổ phần của Công ty, tương đương tổng mệnh giá 1.402.893.340.000 đồng, tương đương tỷ lệ 51,06% cổ phần.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*2.747.440.630.000*	*2.747.440.630.000*
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	*2.747.440.630.000*	*2.747.440.630.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	109.897.625.200

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	274.744.063
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	*274.744.063*	*274.744.063*
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.744.063	274.744.063

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	26.304,25	180,15

16. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hóa cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	**91.094.482.738**	**7.500.000.000**	**97.106.236.364**	**195.700.719.102**
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	91.094.482.738	7.500.000.000	97.106.236.364	195.700.719.102
2. Giá vốn	**79.225.594.451**	**7.308.818.366**	**86.337.960.114**	**172.872.372.931**
Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	78.986.112.559	7.308.818.366	86.337.960.114	172.632.891.039
Dự phòng giảm giá HTK	239.481.892	-	-	239.481.892
3. Lợi nhuận gộp	**11.868.888.287**	**191.181.634**	**10.768.276.250**	**22.828.346.171**
LN gộp của hàng hóa, thành phẩm	12.108.370.179	191.181.634	10.768.276.250	23.067.828.063

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, Công ty chỉ kinh doanh ô tô các loại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	***195.700.719.102***	***92.761.255.743***
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	195.700.719.102	46.915.110.004
Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh	-	45.846.145.739
Cộng	**195.700.719.102**	**92.761.255.743**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	172.632.891.039	43.037.073.192
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	239.481.892	686.208.860
Cộng	**172.872.372.931**	**43.723.282.052**

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, giá mua hàng	18.044.091.554	38.876.147.198
Chi phí nhân công	986.525.000	641.561.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.013.655.659	711.282.509
Chi phi xúc tiến bán hàng	1.430.000.000	330.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	1.048.081.272	710.559.789
Cộng	**22.522.353.485**	**41.269.550.650**

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.759.980.043	24.266.744.986
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	-	136.500.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	692.275.439	12.118.164
Cộng	**3.452.255.482**	**160.779.613.150**

(*) Phản ánh khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang

21. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	***975.553.606***	***2.641.714.660***
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	136.363.636	1.318.181.818
Thưởng doanh số	794.189.970	1.323.532.842
Các khoản khác	45.000.000	-
Chi phí khác	-	***1.286.787.948***
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	-	1.285.421.901
Các khoản chi phí khác	-	1.366.047
Lợi nhuận khác	**975.553.606**	**1.354.926.712**

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay	**Năm trước**
	VND	**VND**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	**15.307.267.498**	**208.768.562.227**
Hoạt động kinh doanh chính	15.307.267.498	208.768.562.227
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**2.350.631.618**	**(181.341.733.596)**
Hoạt động kinh doanh chính	**2.350.631.618**	**183.352.057.882**
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	182.346.895.739
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.350.631.618	1.005.162.143
Thu nhập chịu thuế	**17.657.899.116**	**27.426.828.631**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**3.531.579.823**	**5.485.365.726**
Hoạt động kinh doanh chính	3.531.579.823	5.485.365.726
Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	**3.531.579.823**	**5.485.365.726**
Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm trước	-	
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	**3.531.579.823**	**5.485.365.726**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
	VND	**VND**
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.713.582.769	33.391.595.439
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.616.155.566	16.451.331.459
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.000.000.000	91.690.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
Cộng	**3.417.702.035.621**	**3.488.905.224.184**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	213.475.000.000	243.475.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	83.240.174.719	69.488.736.542
Chi phí phải trả	236.545.455	1.251.545.455
Công nợ tài chính khác	-	99.085.789
Cộng	**296.951.720.174**	**314.314.367.786**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện phần lớn giao dịch mua hàng hóa có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.713.582.769	-	22.713.582.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.616.155.566	-	11.616.155.566
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
Cộng	**70.329.738.335**	**3.347.372.297.286**	**3.417.702.035.621**
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	213.475.000.000	-	213.475.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	83.240.174.719	-	83.240.174.719
Chi phí phải trả	236.545.455	-	236.545.455
Công nợ tài chính khác	-	-	-
Cộng	**296.951.720.174**	**-**	**296.951.720.174**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(226.621.981.839)**	**3.347.372.297.286**	**3.120.750.315.447**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.391.595.439	-	33.391.595.439
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.451.331.459	-	16.451.331.459
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.690.000.000	-	91.690.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
Cộng	**141.532.926.898**	**3.347.372.297.286**	**3.488.905.224.184**
Số đầu năm			
Các khoản vay	243.475.000.000	-	243.475.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.488.736.542	-	69.488.736.542
Chi phí phải trả	1.251.545.455	-	1.251.545.455
Công nợ tài chính khác	99.085.789	-	99.085.789
Cộng	**314.314.367.786**	**-**	**314.314.367.786**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(172.781.440.888)**	**3.347.372.297.286**	**3.174.590.856.398**

Ban giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN

Dự án Nhà ở thu nhập thấp (tại Công ty TNHH Pruksa Việt Nam)

Ngày 02/01/2013, Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021022000215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ ba ngày 10/11/2017 của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại cuả Công ty là 566.440.000.000 đồng, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 510.774.000.000 đồng chiếm 90,17%.

Ngày 29/06/2017, UBND thành phố Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1662/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 13/07/2015 về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty TNHH Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất là 201.014,3 m^2.

Ngày 15/12/2016, UBND huyện An Dương đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết cho tỷ lệ 1/500 khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại xã An Đồng, huyện An Dương chi tiết như sau:

(1) Nhà ở xã hội chung cư 03 tầng: gồm 24 lô đất, tổng diện tích 59.749,2m^2, tổng số căn hộ được thiết kế là 1.908 căn. Hiện tại, tổng số căn hộ đã bán và cho thuê gần hết.
(2) Nhà ở xã hội chung cư 05 tầng: gồm 01 lô đất, tổng diện tích 3.410,1m^2, tổng số căn hộ được thiết kế là 90 căn. Tại thời điểm ngày 30/06/2021, tổng số căn hộ đã bán và cho thuê gần hết.
(3) Nhà ở thương mại dịch vụ liền kề: gồm 06 lô đất, tổng diện tích 16.160,4m^2, tổng số căn hộ được thiết kế là 242 căn. Tại thời điểm ngày 30/06/2021, tổng đã bán hết 100% căn hộ.
(4) Khu tái định cư : gồm 01 lô đất, tổng diện tích 1.265,5m^2, tổng số căn hộ được thiết kế là 11 căn;
(5) Và các công trình công cộng khác như: Trường mẫu giáo, nhà điều hành, nhà văn hóa, cây xanh công viên-thể dục thể thao, bãi đỗ xe, đầu mối kỹ thuật và đất giao thông chung. Các công trình này đã được xây dựng và hoàn thiện xong.

Hiện tại, dự án đã bán hoặc cho thuê gần hết các sản phẩm nhà ở, còn lại một số hạng mục công trình văn hóa, thể thao đang thực hiện.

Các dự án của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV

- Tên dự án : Trung tâm thương mại – Dịch vụ, nhà ở Golden – Land Building;
- Địa điểm thực hiện dự án : số 275 Đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;
- Mục đích xây dựng : xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng đầu tư Trung tâm thương mại – Dịch vụ, nhà ở Golden – Land Building;
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần thương mại Hưng Việt (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV);
- Nguồn vốn đầu tư : Đầu tư từ nguồn vốn tự có và nguồn vốn vay;
- Quy mô đầu tư dự án và thực trạng dự án :

+ Tòa nhà N01 : Gồm 03 công trình, trong đó có hai công trình cao 25 tầng và một công trình cao 27 tầng. Đến thời điểm 30/06/2021, dự án đã hoàn thành, đã bán và bàn giao gần hết các căn hộ và sản phẩm văn phòng, gian hàng cho thuê.

+ Tòa nhà N02 : Xây dựng khu nhà ở cao tầng bàn giao cho thành phố Hà Nội theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/08/2006. Dự án bắt đầu triển khai từ năm 2007. Đến thời điểm 30/06/2021, dự án đang xin thay đổi quy hoạch.

+ Tòa nhà Gold Tower : Diện tích xây dựng khoảng 2.352m2, cao 33 tầng (chưa kể tầng tum) và 03 tầng kỹ thuật và để xe. Đến thời điểm 30/06/2021, dự án cơ bản hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng.

24. THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)

Các dự án dự kiến đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV

- Dự án "Hoàng Huy Commerce" đất ở chung cư, kết hợp thương mại dịch vụ tại Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.
- Dự án "Hoàng Huy Grand Tower" đất ở liền kề, đất ở kết hợp chung cư, thương mại dịch vụ tại Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
- Dự án "Hoàng Huy New City" đất ở liền kề, đất ở liền kề sân vườn, đất nhà ở xã hội, đất ở chung cư, đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ tại huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.
- Dự án "Hoàng Huy Green River" đất ở kiền kề, đất ở liền kề sân vườn, đất nhà ở xã hội, đất ở chung cư, đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ tại huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

Đây là các dự án hiện do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy là Chủ đầu tư và đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư.

Các dự án trên sẽ phân giao/chuyển giao/thực hiện bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV theo chủ trương và kế hoạch phát triển dự án được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV, Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy thông qua. Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV hiện là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy .

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên gia đình	Các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	**Năm trước VND**
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	66.000.000	33.220.000
Phải thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	45.846.145.739
Nhận tiền từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	73.642.380.051
Công ty Cổ phần phát triển DV Hoàng Giang		
Nhận cổ tức bằng tiền	-	136.500.750.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV		
Góp vốn	-	858.150.000.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam		
Trả tiền gốc vay	30.000.000.000	-
Lãi tiền vay	7.469.529.726	-

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam		
Tiền lãi vay phải trả	-	4.668.153.972
Tiền vay phải trả	213.475.000.000	243.475.000.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	88.405.000	88.430.000

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét.

Phạm Hồng Dung	**Hồ Thị Xuân Hòa**	**Nguyễn Thế Hùng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
Ngày 03 tháng 08 năm 2021		